|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO**    Số: 150-10/KH-THPT THĐ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2023* |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC BỘ MÔN SINH HỌC**

**Năm học 2023 - 2024**

**I. Đặc điểm tình hình**

***1. Số lớp – học sinh:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Khối | Số lớp | Tổng số học sinh | Ghi chú |
| 10 | 15 | 691 | 14 lớp KHTN; 01 lớp KHXH |
| 11 | 16 | 705 | 14 lớp KHTN; 02 lớp KHXH |
| 12 | 18 | 846 | 12 lớp KHTN; 06 lớp KHXH |

***2. Tình hình đội ngũ:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Trình độ chuyên môn | Xếp loại Chuẩn nghề nghiệp | Nhiệm vụ trong năm học 2023-2024 |
| 1 | Phạm Ngọc Trung Dương | Thạc sĩ | Tốt | - Tổ trưởng chuyên môn; Nhóm trưởng khối 11  - Giảng dạy môn Sinh học 11 |
| 2 | Võ Thị Thu Hằng | Cử nhân | Tốt | Giảng dạy môn Sinh học 10, 11 |
| 3 | Phan Thị Phú | Cử nhân | Tốt | - Nhóm trưởng chuyên môn Sinh học 12  - Giảng dạy môn Sinh học 11; 12 |
| 4 | Phan Thị Linh Giang | Thạc sĩ | Tốt | - Nhóm trưởng chuyên môn Sinh học 10  - Giảng dạy môn Sinh học 10, 12 |
| 5 | Nguyễn Hồng Thủy | Thạc sĩ | Tốt | Giảng dạy môn Sinh học 10, 12 |
| 6 | Trương Thị Tuyết Mai | Cử nhân | Tốt | Giảng dạy môn Sinh học 10; 12 |
| 7 | Vũ Thị Thùy Vân | Cử nhân | Tốt | Giảng dạy môn Sinh học 11, 12 |

***3. Thiết bị dạy học:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | Bộ thí nghiệm xác định thành phần hóa học của tế bào | 7 | Thành phần hóa học của tế bào |  |
| 2 | Bộ thí nghiệm quan sát cấu trúc tế bào | 7 | Cấu trúc tế bào |  |
| 3 | Bộ thí nghiệm làm tiêu bản về quá trình nguyên phân và giảm phân | 7 | Chu kì tế bào và phân bào |  |
| 4 | Bộ hóa chất xác định thành phần hóa học của tế bào | 7 | Thành phần hóa học của tế bào |  |
| 5 | Bộ hóa chất làm tiêu bản, quan sát cấu trúc tế bào | 7 | Cấu trúc tế bào |  |
| 6 | Bộ hóa chất xác định ảnh hưởng của các yếu tố đến hoạt tính enzyme | 7 | Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong tế bào |  |
| 7 | Bộ hóa chất làm tiêu bản NST, quan sát nguyên phân, giảm phân | 7 | Chu kỳ tế bào và phân bào |  |
| 8 | Bộ hóa chất thực hành phương pháp nghiên cứu vi sinh vật | 7 | Vi sinh vật |  |
| 9 | Bộ thiết bị khảo sát một số dữ liệu khi trồng cây | 10 | Trồng cây trong dung dịch |  |
| 10 | Bộ thiết bị khảo sát định tính sự trao đổi nước ở cơ thể thực vật | 10 | Trao đổi nước ở cơ thể thực vật. |  |
| 11 | Bộ thiết bị quan sát lục lạp và tách chiết các sắc tố trong lá cây | 10 | Quan sát lục lạp và tách chiết các sắc tố trong lá cây |  |
| 12 | Bộ thiết bị thí nghiệm về sự hình thành tinh bột | 10 | Quá trình hình thành tinh bột ở thực vật |  |
| 13 | Bộ thiết bị đo oxygen trong quá trình quang hợp | 10 | Sự thải oxygen trong quá trình quang hợp |  |
| 14 | Bộ thiết bị khảo sát khả năng hô hấp ở thực vật | 10 | Hô hấp ở thực vật. |  |
| 15 | Bộ thiết bị khảo sát các chỉ số của hệ tuần hoàn | 10 | Hệ tuần hoàn |  |
| 16 | Bộ thiết bị tìm hiểu cấu trúc và hoạt động của tim | 10 | Hoạt động của tim |  |
| 17 | Bộ hóa chất tách chiết sắc tố trong lá cây và sự hình thành tinh bột. | 01 | Quang hợp |  |
| 18 | Dung dịch dinh dưỡng | 01 | Trồng cây trong dung dịch |  |
| 19 | NaCl 0.65% - 500ml | 01 | Trồng cây trong dung dịch |  |

***4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng thực hành Sinh học | 1 | Các bài thực hành, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, họp tổ chuyên môn và hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. |  |

**II. Kế hoạch dạy học :**

1. ***Phân phối chương trình (Phụ lục đính kèm)***

***2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ***: Kiểm tra viết trên giấy cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Khối lớp | Thời gian | Thời điểm | Yêu cầu cần đạt | Ghi chú |
| Giữa học kỳ I | 10 | 45 phút | Tuần 8 | Ban KHTN: Kiến thức và kỹ năng từ tuần 1 (Bài 1) đến tuần 6 (Bài 9) | TN+TL  (5:5) |
| Ban KHXH: Kiến thức và kỹ năng từ tuần 1 (Bài 1) đến tuần 7 (Bài 8) |
| 11 | 45 phút | Ban KHTN: Kiến thức và kỹ năng từ tuần 1 (Bài 1) đến tuần 5 (Bài 7) | TN+TL  (5:5) |
| Ban KHXH: Kiến thức và kỹ năng từ tuần 1 (Bài 1) đến tuần 7 (Bài 5) |
| 12 | 45 phút (ban D)  50 phút (ban A, A1, B) | Kiến thức và kỹ năng từ tuần 1 (Bài 1) đến tuần 5 (Bài 6) | Trắc nghiệm |
| Cuối học kỳ I | 10 | 45 phút | Tuần 16 | Ban KHTN: Kiến thức và kỹ năng từ tuần 1 (Bài 1) đến tuần 11 (Bài 17) | TN+TL  (5:5) |
| Ban KHXH: Kiến thức và kỹ năng từ tuần 1 (Bài 1) đến tuần 14 (Bài 13) |
| 11 | 45 phút | Ban KHTN: Kiến thức và kỹ năng từ tuần 1 (Bài 1) đến tuần 13 (Bài 14) | TN+TL  (5:5) |
| Ban KHXH: Kiến thức và kỹ năng từ tuần 1 (Bài 1) đến tuần 14 (Bài 10) |
| 12 | 45 phút (ban D)  50 phút (ban A, A1, B) | Kiến thức và kỹ năng từ tuần 1 (Bài 1) đến tuần 14 (Bài 17) | Trắc nghiệm |
| Giữa học kỳ II | 10 | 45 phút | Tuần 7 | Ban KHTN: Kiến thức và kỹ năng từ tuần 1 (Bài 20) đến tuần 6 (Bài 22) | TN+TL  (5:5) |
| Ban KHXH: Kiến thức và kỹ năng từ tuần 1 (Bài 18) đến tuần 6 (Bài 22) |
| 11 | 45 phút | Ban KHTN: Kiến thức và kỹ năng từ tuần 1 (Bài 15) đến tuần 4 (Bài 19) | TN+TL  (5:5) |
| Ban KHXH: Kiến thức và kỹ năng từ tuần 1 (Bài 13) đến tuần 6 (Bài 16) |
| 12 | 45 phút (ban D)  50 phút (ban A, A1, B) | Kiến thức và kỹ năng từ tuần 1 (Bài 24) đến tuần 6 (Bài 34) | Trắc nghiệm |
| Cuối học kỳ II | 10 | 45 phút | Tuần 15 | Ban KHTN: Kiến thức và kỹ năng từ tuần 1 (Bài 20) đến tuần 12 (Bài 31) | TN+TL  (5:5) |
| Ban KHXH: Kiến thức và kỹ năng từ tuần 1 (Bài 18) đến tuần 13 (Bài 30) |
| 11 | 45 phút | Ban KHTN: Kiến thức và kỹ năng từ tuần 1 (Bài 15) đến tuần 13 (Bài 24) | TN+TL  (5:5) |
| Ban KHXH: Kiến thức và kỹ năng từ tuần 1 (Bài 13) đến tuần 14 (Bài 22) |
| 12 | 45 phút (ban D)  50 phút (ban A, A1, B) | Kiến thức và kỹ năng từ tuần 1 (Bài 24) đến tuần 14 (Bài 43) | Trắc nghiệm |

***3. Tổ chức dạy học trực tuyến***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Khối | Nội dung  /chuyên đề | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
| 1 | 10 | Bài 9. Tế bào nhân thực | 4 tiết | - Phân tích được mối quan hệ phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của thành tế bào và màng sinh chất.  - Nêu được cấu tạo và chức năng của tế bào chất.  - Trình bày được cấu trúc của nhân tế bào và chức năng quan trọng của nhân.  - Phân tích được mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng của các bào quan trong tế bào. |
| 2 | 10 | Bài 27. Ứng dụng vi sinh vật trong thực tiễn | 2 tiết | - Cơ sở khoa học của việc ứng dụng vi sinh vật trong thực tiễn.  - Một số ứng dụng vi sinh vật trong thực tiễn (sản xuất và bảo quản thực phẩm, sản xuất thuốc, xử lí môi trường) |
| 3 | 11 | Bài 7. Hô hấp ở động vật | 2 tiết | - Phân tích được vai trò của hô hấp ở động vật: Trao đổi khí với môi trường và hô hấp tế bào  - Dựa vào hình ảnh, sơ đồ, trình bày được các hình thức trao đổi khí  - Giải thích được một số hiện tượng trong thực tiễn liên quan đến hô hấp ở động vật  - Vận dụng hiểu biết về hô hấp và trao đổi khí để phòng các bệnh về đường hô hấp  - Giải thích được tác hại của hút thuốc lá và ô nhiễm không khí đối với sức khỏe  - Trình bày được ý nghĩa của việc cấm hút thuốc lá và xử phạt người hút thuốc lá ở nơi công cộng  - Giải thích được vai trò của luyện tập thể dục thể thao đối với sức khỏe  - Tìm hiểu được các bệnh về đường hô hấp |
| 4 | 11 | Bài 21. Sinh sản ở thực vật | 2 tiết | - Trình bày được hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật và nhận biết được giai đoạn sinh sản bằng bào tử ở một số thực vật.  - Trình bày được các phương pháp nhân giống vô tính ở thực vật và ứng dụng trong thực tiễn.  - Trình bày được quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật có hoa: Nêu được cấu tạo chung của hoa. Trình bày được quá trình hình thành hạt phấn, túi phôi, thụ phấn, thụ tInh, hình thành hạt, quả.  - So sánh được sinh sản hữu tính với sinh sản vô tính ở thực vật.  - Thực hành được nhân giống cây bằng sinh sản sinh dưỡng; thụ phấn cho cây. |

**III. Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn**

***1. Sinh hoạt tổ chuyên môn:***

- Sinh hoạt của tổ chuyên môn mỗi tháng 2 lần vào tuần thứ 2, 4 hàng tháng.

- Sinh hoạt chuyên môn theo NCBH:

+ Chuyên đề Quần xã sinh vật - Khối lớp 12

+ Thời gian thực hiện: 25/3 đến 31/3/2024

+ Phân công phụ trách: Cô Nguyễn Hồng Thủy

- Thao giảng cấp trường:

\* Học kỳ I:

+ Bài 9. Tế bào nhân thực - Khối lớp 10

+ Thời gian thực hiện: 9/10 - 15/10/2023

+ Phân công phụ trách: Cô Trương Thị Tuyết Mai

\* Học kỳ II:

+ Bài 28. Thực hành lên men - Khối lớp 10

+ Thời gian thực hiện: 1/4 - 7/4/2024

+ Phân công phụ trách: Cô Phan Thị Linh Giang

- Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để hoàn thiện từng bước cấu trúc nội dung, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh. Mỗi giáo viên dự ít nhất 2 tiết học/HK.

***2. Hoạt động trải nghiệm bộ môn; trải nghiệm STEM:***

*2.1. Tiết học ngoài nhà trường*

- Chủ đề: Công nghệ tế bào thực vật

- Thời gian thực hiện: Tháng 2/2024

- Đối tượng học sinh: Khối 10

- Phân công phụ trách: Thầy Phạm Ngọc Trung Dương

*2.2.Trải nghiệm STEM*

- Chủ đề: Triễn lãm Ứng dụng vi sinh trong sản xuất phân bón

- Thời gian thực hiện: Tháng 03/2024

- Đối tượng học sinh: Khối 10

- Giáo viên thực hiện: Cô Võ Thị Thu Hằng

***3. Bài học STEM:***

- Chủ đề: Enzyme và ứng dụng trong sản xuất mạch nha

- Thời gian thực hiện: Tháng 11/2023

- Giáo viên thực hiện: Cô Phạm Thị Hồng Lâm

***4. Bồi dưỡng học sinh giỏi, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học***

- Bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 12: Cô Phan Thị Phú

- Bồi dưỡng học sinh giỏi giải toán trên máy tính cầm tay: Cô Vũ Thị Thùy Vân

***5. Phụ đạo học sinh yếu:***

- Giáo viên có nhiệm vụ phụ đạo học sinh yếu, kém của lớp mình phụ trách; theo dõi, kiểm tra, phát hiện sớm các học sinh yếu không theo kịp chương trình, thông báo tình hình học tập của học sinh cho giáo viên chủ nhiệm, Tổ trưởng và Phó Hiệu trưởng phụ trách để tổ chức phối hợp với cha mẹ học sinh.

- Nội dung ôn tập, phụ đạo chủ yếu tập trung vào việc bù lắp những kiến thức còn thiếu hụt, những kỹ năng còn yếu của học sinh từ những học kỳ, năm học trước. Củng cố, ôn tập, hệ thống hoá, khắc sâu những kiến thức đã học để học sinh nắm vững kiến thức cơ bản theo chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học đã quy định.

- Chương trình phụ đạo thực hiện theo kế hoạch phụ đạo đã được tổ, nhóm chuyên môn thống nhất xây dựng cho từng khối lớp. Trong quá trình phụ đạo, có thể điều chỉnh kế hoạch, nội dung và phương pháp cho phù hợp với từng đối tượng học sinh

|  |  |
| --- | --- |
| **HIỆU TRƯỞNG**  **Hàn Thanh Tùng** | **TỔ TRƯỞNG/ TRƯỞNG BỘ MÔN**  **Phạm Ngọc Trung Dương** |